CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 1/2025

CTCP Đá Hoàng Mai

Ngày 31/03/2025	13,800 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-4.2%	**16.9%**	**-6.8%**

DT thuần
Q1/25
10.7
tỷ VNĐ
QoQ: ▼8.40| -44.0%
YoY: ▲ 1.87| 21.2%

LN thuần
Q1/25
0.37
tỷ VNĐ
QoQ: ▼4.52| -92.4%
YoY: ▼0.45| -54.9%

LN sau thuế
Q1/25
0.32
tỷ VNĐ
QoQ: ▼2.48| -88.4%
YoY: ▼0.36| -52.3%

Tỷ suất lãi EBIT
Q1/25
3.8%
YoY: +/-▼ 16.0%

ROE (TTM)
Q1/25
7.5%
YoY: +/-▼ 0.2%

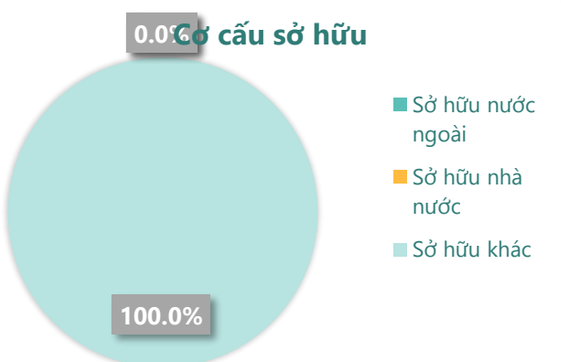
Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	8,300 - 44,900
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	77
Số lượng CPLH (CP)	5,612,444
KLGD BQ 20 phiên (CP)	57,095
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	0.43
EPS	1,011
P/E	13.6

DT thuần
2024
53.0
tỷ VNĐ
YoY: ▼14.7| -21.7%

LN thuần
2024
9.15
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 1.03| 12.6%

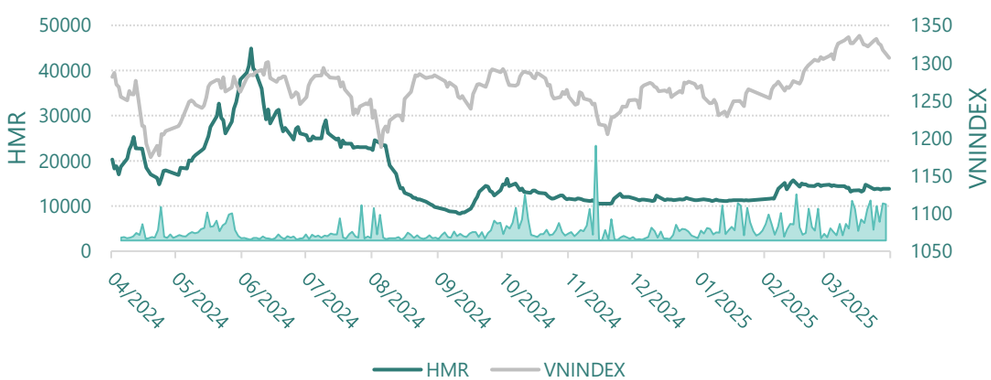
LN sau thuế
2024
6.03
tỷ VNĐ
YoY: ▼0.54| -8.1%

Cơ cấu sở hữu

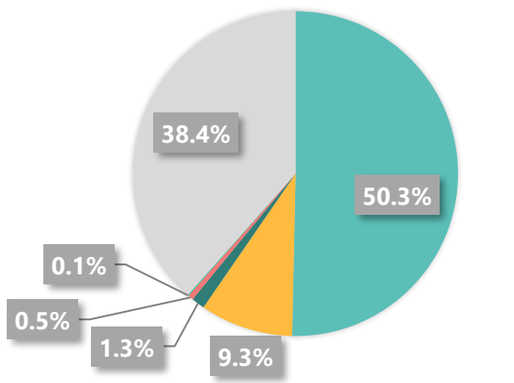


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



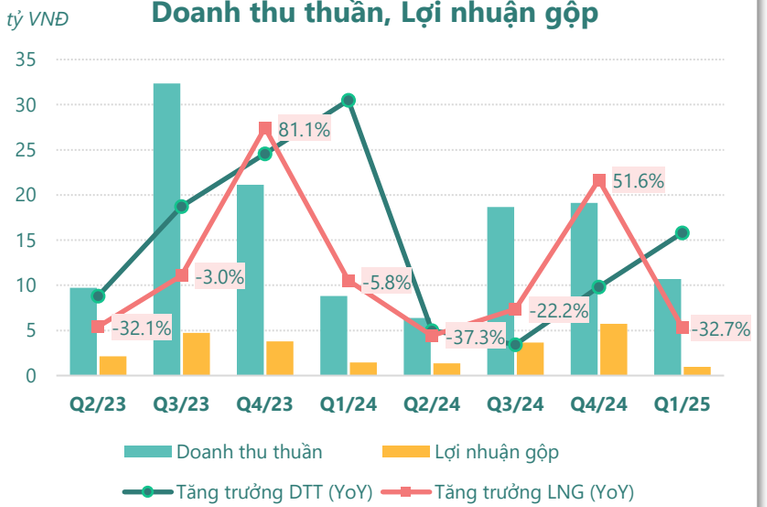
Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

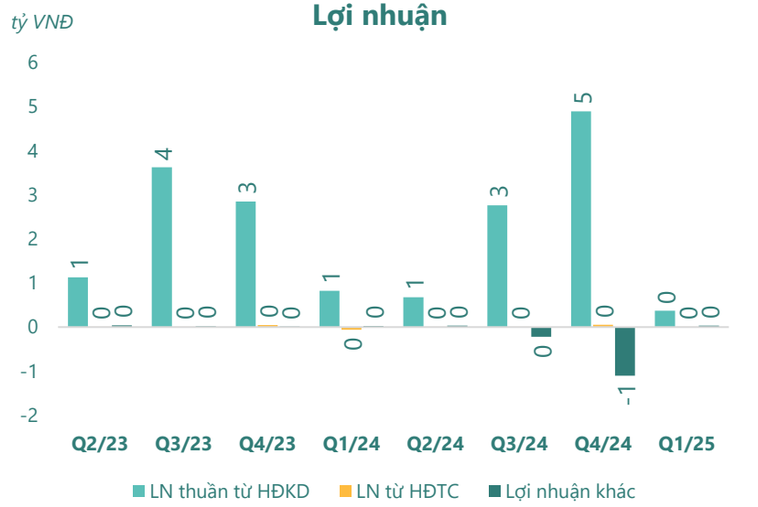
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



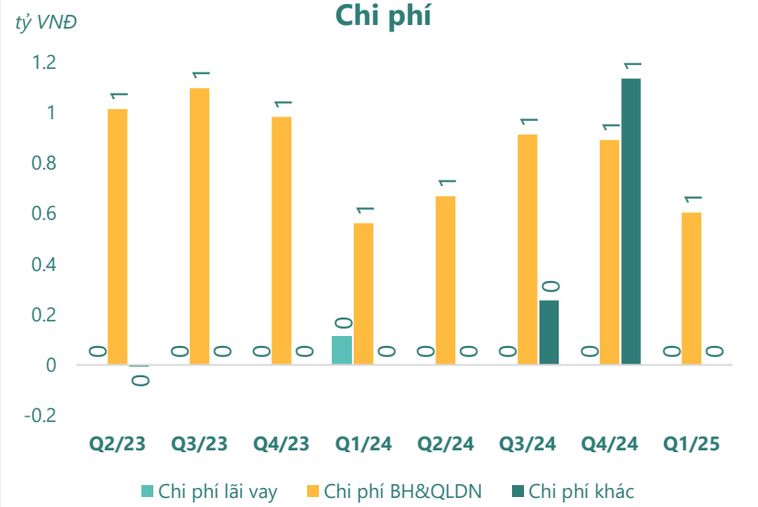
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



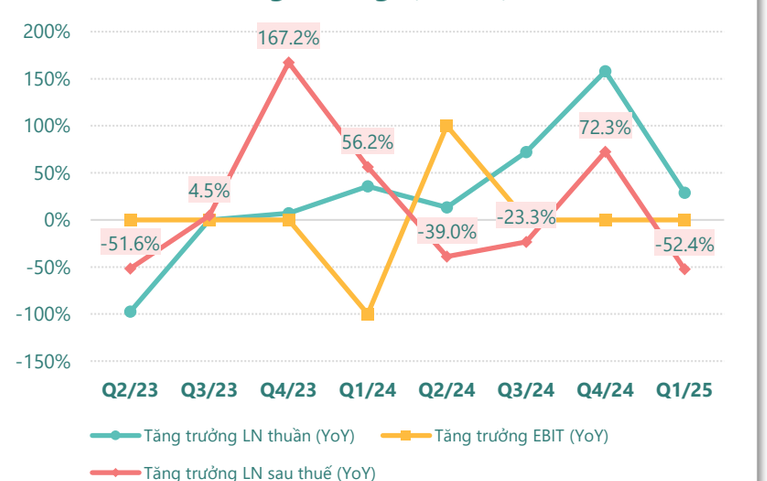
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



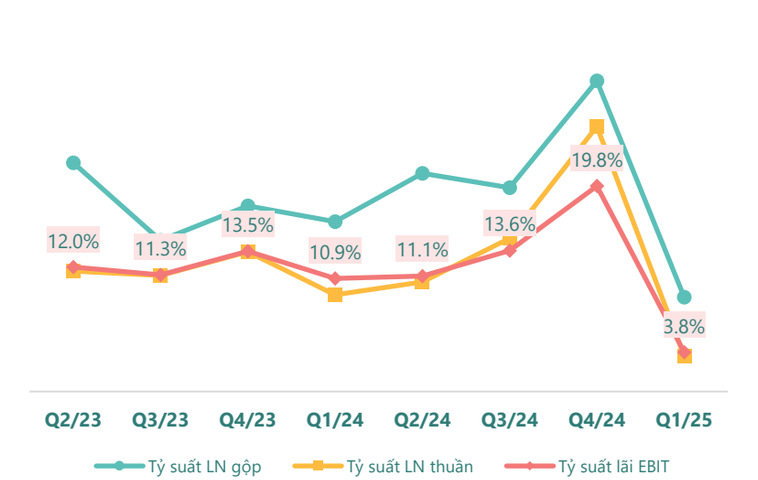
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



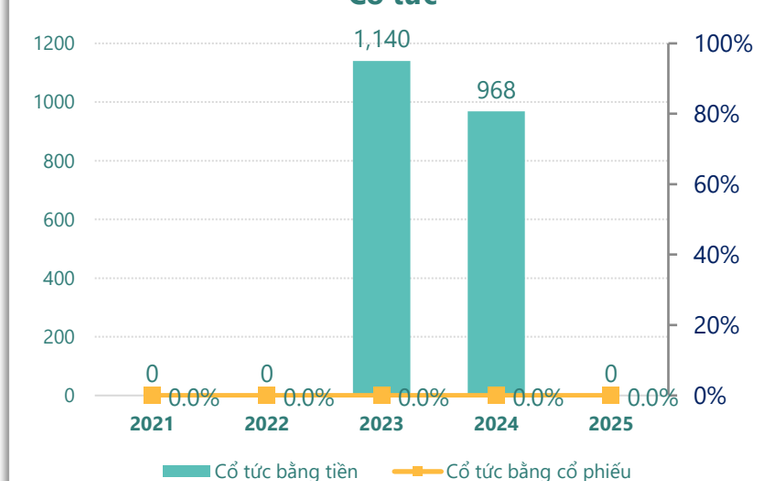
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

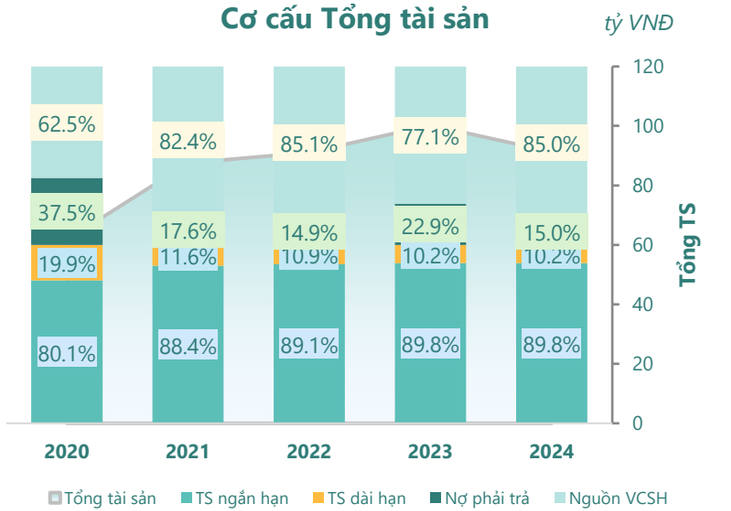
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

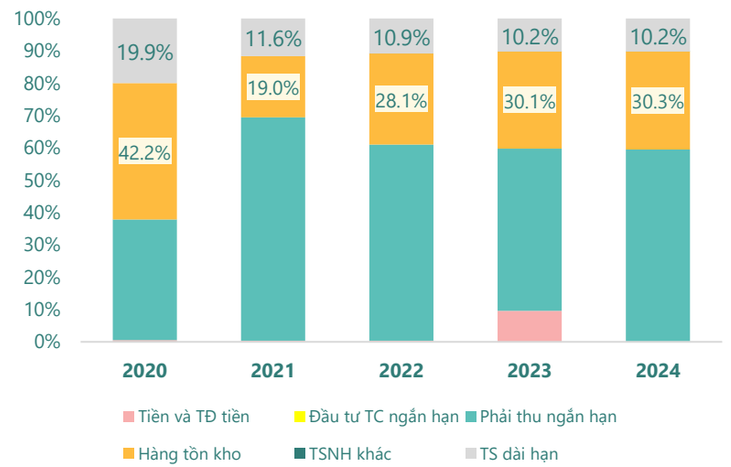
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



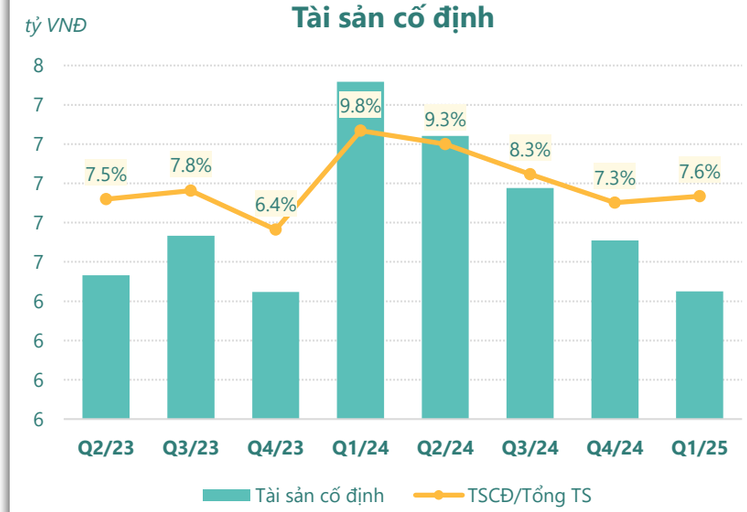
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



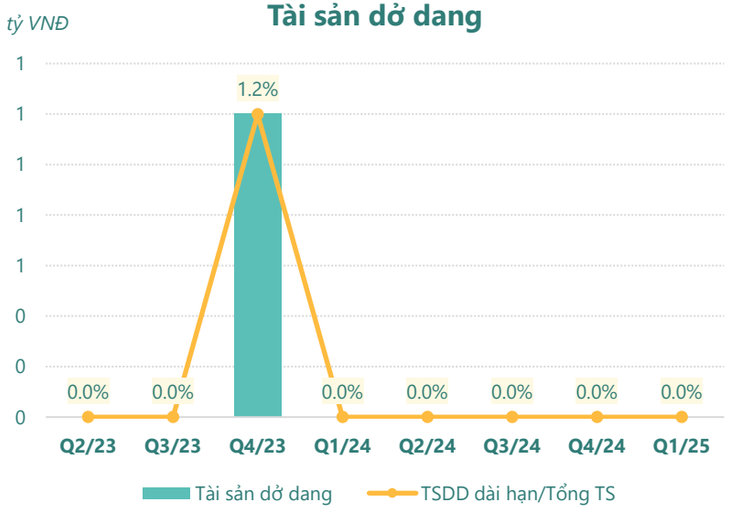
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



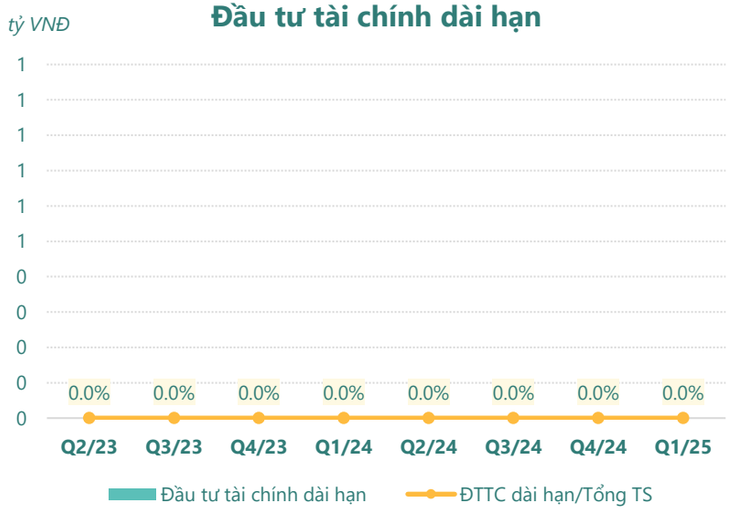
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



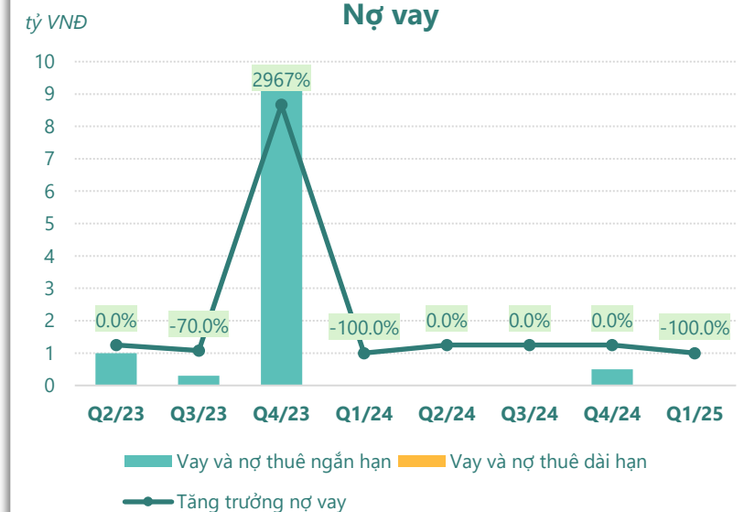
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

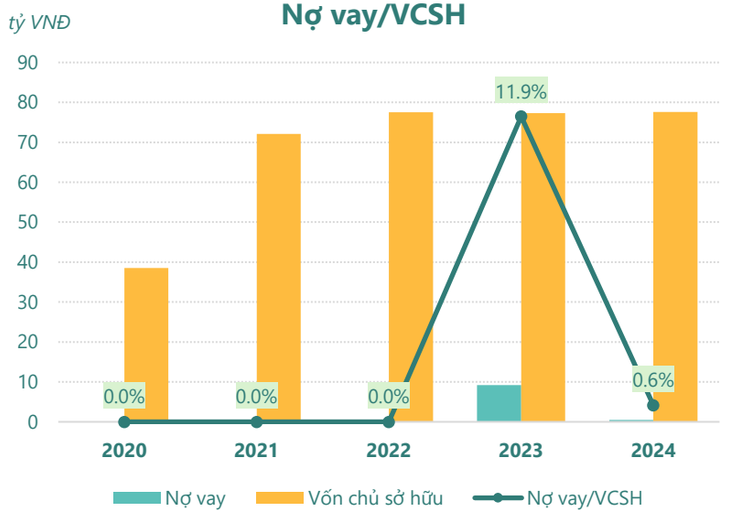
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

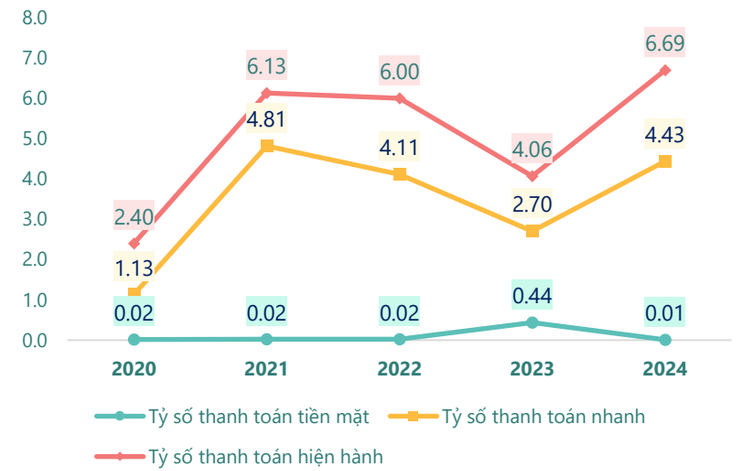
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



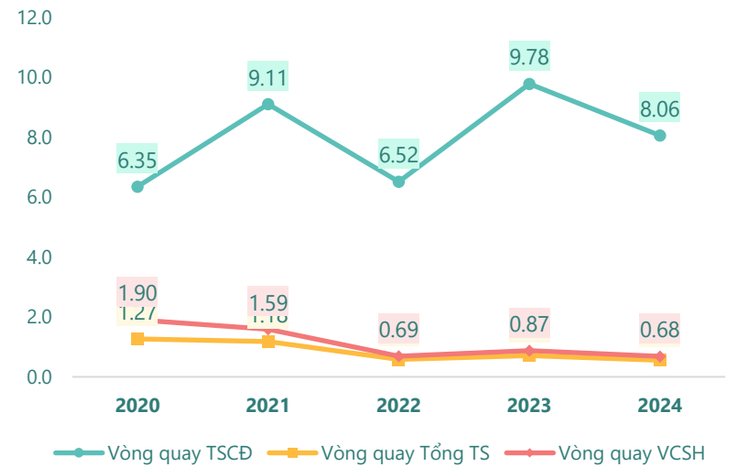
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



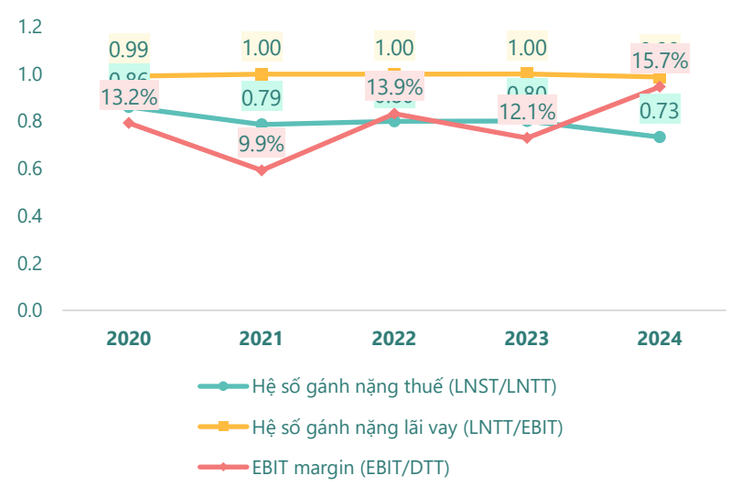
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



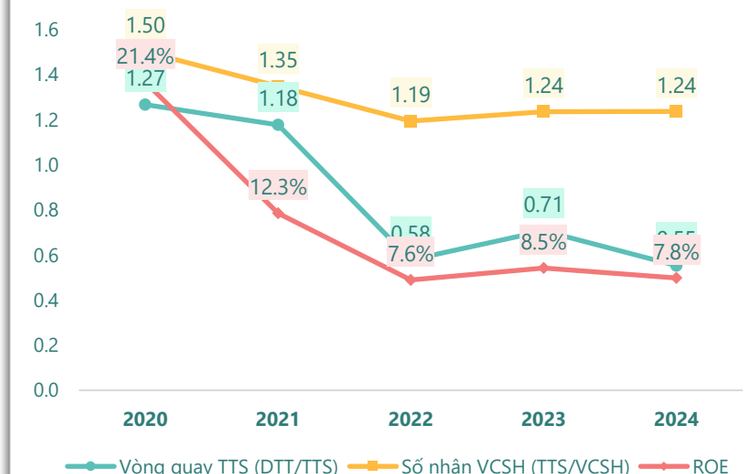
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



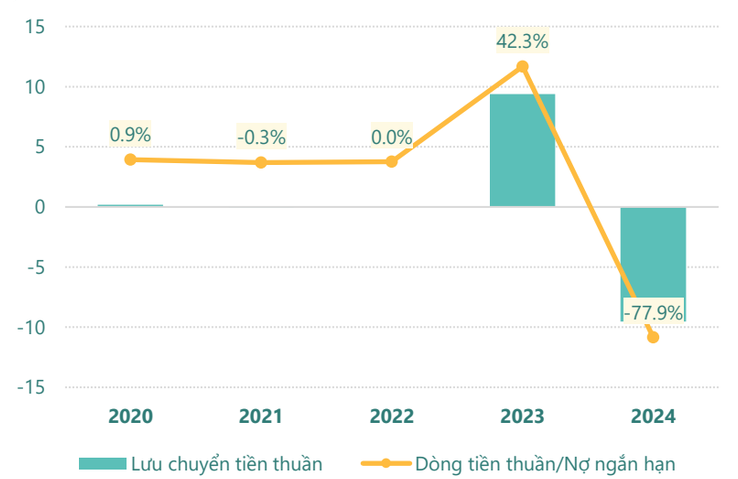
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q1/25	Q1/24	Thay đổi YoY	2024	2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**10.7**	**8.83**	**21.2%**	**53.0**	**67.7**	**-21.7%**
Giá vốn hàng bán	9.73	7.38	31.9%	40.8	55.4	-26.4%
Lợi nhuận gộp	0.97	1.45	-32.9%	12.2	12.2	-0.4%
Doanh thu HĐTC	0.00	0.05	-99.3%	0.11	0.06	89.2%
Chi phí TC	0	0.11	-100%	0.11	0.01	1580%
Chi phí lãi vay	0	0.11	-100%	0.11	0.01	1580%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0	0.00		0	0	
Chi phí QLDN	**0.60**	**0.56**	**7.9%**	**3.04**	**4.16**	**-27.0%**
LN thuần từ HĐKD	0.37	0.82	-54.9%	9.15	8.12	12.6%
Lợi nhuận khác	**0.04**	**0.03**	**19.4%**	**-0.91**	**0.09**	**-1150%**
LN trước thuế	0.41	0.85	-52.3%	8.23	8.21	0.3%
Lợi nhuận sau thuế	**0.32**	**0.68**	**-52.3%**	**6.03**	**6.57**	**-8.1%**
LNST của CĐ cty mẹ	**0.32**	**0.68**	**-52.3%**	**6.03**	**6.57**	**-8.1%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	1.55	7.46	-2.19	0.41	-0.50	0.62
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-11.1	9.02	-9.12	9.12	-0.05	0.00
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	9.49	-14.6	0	-0.33	0.50	-0.50
Tiền đầu kỳ	0.48	0.43	2.28	0.20	0.17	0.12
Lưu chuyển tiền thuần	**-0.05**	**1.85**	**-11.3**	**9.20**	**-0.05**	**0.11**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	0.43	2.28	0.20	0.17	0.12	0.23

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/3/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**85.3**	**91.3**	**-6.6%**
Tài sản ngắn hạn	76.1	82.0	-7.2%
Tiền và tương đương tiền	0.23	0.12	95.5%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	51.1	54.2	-5.7%
Hàng tồn kho	24.8	27.7	-10.7%
Tài sản ngắn hạn khác	0.01	0.00	225%
Tài sản dài hạn	**9.17**	**9.29**	**-1.2%**
Phải thu dài hạn	2.57	2.38	8.1%
Tài sản cố định	6.45	6.71	-3.9%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**0.15**	**0.20**	**-25.0%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	7.35	13.7	-46.3%
Nợ ngắn hạn	**7.27**	**12.3**	**-40.6%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0.50	-100%
Phải trả người bán ngắn hạn	0.86	3.15	-72.6%
Nợ dài hạn	0.08	1.45	-94.5%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**77.9**	**77.6**	**0.4%**
Vốn chủ sở hữu	**77.9**	**77.6**	**0.4%**
Vốn điều lệ	56.1	56.1	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)